

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 62/2024/DS-ST

Ngày: 14-5-2024

V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ánh.

Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt - Thư ký Tòa án.

Trong các ngày 10-14/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 976/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-DS ngày 23/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn A, huyện tm, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Văn Công S, sinh năm 1961.

2.2. Anh Văn Công M, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn A, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Văn Công S, anh Văn Công M là anh Lê Minh H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp Nội Ô, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

(Chị T, anh H có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc T trình bày:

Vào ngày 16/06/2022 ông Văn Công M có đến nhà chị hỏi mượn số tiền là 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) để làm giấy tờ nhà và hẹn chậm nhất trong vòng 60 ngày sẽ trả tiền lại cho tôi. Nhưng khi chị cho mượn thì ông M không trả tiền cho chị như đúng hẹn trong biên nhận.

Đến ngày 06/09/2022, chị có yêu cầu ông Văn Công S (là cha ruột của anh M) bảo lãnh số tiền 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) mà anh M đã mượn của chị thì ông S đồng ý bảo lãnh và đồng ý ký tên vào biên nhận mượn tiền và hứa hẹn làm giấy cam kết khi bán thửa đất số 1710, tờ bản đồ số 2, diện tích 283m²; đất tọa lạc tại thị trấn A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; sẽ trả tiền cho chị, nếu bán đất không được thì cũng lo tiền sớm trả lại cho chị. Nhưng đến nay thì ông S và anh M vẫn không chịu trả tiền cho chị.

Nay chị làm đơn này kính đến Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, xem xét giải quyết buộc ông Văn Công S và anh Văn Công M phải trả cho chị số tiền là 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 06/09/2022 đến ngày 10/5/2024 là 20 tháng 04 ngày x 2.760.000.000 đồng x 0,83% = 465.796.000, tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.225.796.000 đồng.

- Theo lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của ông M, ông S là anh Lê Minh Hiền trình bày:

Trước đây, vào ngày 06/9/2022 anh M có vay của chị T số tiền 2.760.000.000 đồng. Đến ngày 10/10/2022, anh M có hỏi vay thêm của chị T số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền mà anh M nợ chị T là 4.260.000.000 đồng (Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Trong quá trình vay, thì anh M có trả bớt một phần tiền gốc là số tiền 2.010.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm mười triệu đồng). Số tiền này, ngày 11/10/2022 anh M có nhờ em ông là chị Văn Trần Ngọc Cẩm chuyển khoản qua số tài khoản 19037763419012 thuộc ngân hàng Techcombank của chị T để trả bớt một phần nợ gốc cho chị T. Nay anh M yêu cầu căn trừ vào nợ gốc như sau: 4.260.000.000 đồng - 2.010.000.000 đồng = 2.250.000.000 đồng (hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng).

Trong thời gian vay số tiền 2.760.000.000 đồng của chị T, do anh M khó khăn nên không đóng lãi được cho chị T, nên ngày 26/7/2023 chị T đã yêu cầu anh M ký vào một biên nhận nợ được xem như tiền lãi cho thời gian từ ngày 11/10/2022 cho đến ngày 26/7/2023 với số tiền lãi hơn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bởi chị T tính lãi suất 2.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Vì cách tính lãi suất của chị T vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, nên anh M không đồng ý trả theo mức lãi suất mà chị T đã buộc anh M phải ký Biên nhận ngày 26/7/2023 với số tiền lãi suất hơn 1 tỷ đồng. Do đó, đối với yêu cầu tính lãi suất của chị T theo đơn khởi kiện, anh M chỉ đồng ý trả tiền lãi từ thời điểm thụ lý vụ án ngày 05/12/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh M, ông S không đồng ý. anh M, ông S đồng ý trả cho chị T số tiền 2.250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày

05/12/2023 đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận mượn tiền ngày 6/9/2022 của anh Văn Công M, ông Văn Công S và Giấy cam kết của ông Văn Công S ngày 6/9/2022 (Bản chính, được đánh máy và viết tay trên hai mặt giấy A4).
- Căn cước công dân của chị T (photo).
- Tờ tự khai của anh Lê Minh Hiền ngày 02/4/2024 (Bản chính).
- Tờ tự khai của anh Văn Công M ngày 01/4/2024 (Bản chính).
- Hợp đồng ủy quyền của anh Văn Công M và ông Văn Công S (Bản chính).
- Sao kê tài khoản của LP Bank ngày 02/11/2023 (Bản photo).
- Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 22/11/2023 (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đỗ Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Văn Công M và ông Văn Công S phải trả cho chị T số tiền là 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 06/09/2022 đến ngày 10/5/2024 là 20 tháng 04 ngày x 2.760.000.000 đồng x 0,83% = 465.796.000, tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.225.796.000 đồng. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có địa chỉ ở khóm 3, thị trấn A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, yêu cầu của chị Đỗ Thị Ngọc T cầu Tòa án giải quyết buộc anh Văn Công S và ông Văn Công M phải cùng liên đới trả cho chị T số tiền vay còn nợ tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.225.796.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào ngày 16/6/2022 chị T có cho anh M vay số tiền 2.760.000.000 đồng, anh M thừa nhận có vay của chị T số tiền 2.760.000.000 đồng như lời trình bày

của chị T, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì các đương sự trình bày thống nhất với nhau.

Chị T trình bày, anh M có đến nhà chị T hỏi vay số tiền 2.760.000.000 đồng, vay để làm giấy tờ nhà và hẹn chậm nhất trong vòng 60 ngày sẽ trả tiền lại cho chị T. Nhưng anh M không trả tiền cho chị T đúng thỏa thuận trong biên nhận. Sau đó, đến ngày 06/09/2022 chị T có yêu cầu anh M trả lại tiền cho chị, nhưng anh M không có tiền trả và cha ruột của anh M là ông S đứng ra bảo lãnh cho anh M để trả số tiền 2.760.000.000 đồng cho chị T, ông S có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 6/9/2022 và Giấy cam kết ngày 6/9/2022; ông S cam kết khi bán thửa đất số 1710, tờ bản đồ số 2, diện tích 283m²; đất tại thị trấn A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, sẽ trả tiền cho chị T, nếu bán đất không được thì cũng lo tiền sớm trả lại cho chị T; nhưng đến nay thì ông S và anh M vẫn không trả tiền cho chị T.

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của anh M, ông S là anh Lê Minh Hiển trình bày: Thừa nhận anh M có vay của chị T số tiền 2.760.000.000 đồng và cha của anh M là ông S đứng ra bảo lãnh cho anh M đối với khoản nợ trên và ông S có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 6/9/2022 và làm giấy Cam kết ngày 6/9/2022 để bảo lãnh khoản nợ của chị T cho anh M. Do đó, có thể thấy anh M, ông S còn nợ chị T số tiền vay gốc là 2.760.000.000 đồng là có thật vì được các bên đương sự thừa nhận và trình bày thống nhất với nhau.

[2.3] Tuy nhiên, anh Hiển cho rằng, sau khi vay số tiền 2.760.000.000 đồng, thì vào ngày 10/10/2022 anh M có hỏi vay thêm của chị T số tiền 1.500.000.000 đồng, tổng cộng anh M vay của chị T số tiền là 4.260.000.000 đồng. Trong thời gian vay tiền, thì anh M có trả bớt một phần tiền gốc là số tiền 2.010.000.000 đồng; số tiền này, ngày 11/10/2022 anh M có nhờ em anh là chị Văn Trần Ngọc Cẩm chuyển khoản qua số tài khoản 19037763419012 thuộc ngân hàng Techcombank của chị T để trả bớt một phần nợ gốc cho chị T. Nay anh M yêu cầu căn trừ vào nợ gốc như sau: 4.260.000.000 đồng - 2.010.000.000 đồng = 2.250.000.000 đồng. Trong thời gian vay số tiền 2.760.000.000 đồng của chị T, do anh M khó khăn, không đóng lãi được cho chị T, nên ngày 26/7/2023 chị T đã yêu cầu anh M ký vào một biên nhận nợ được xem như tiền lãi từ ngày 11/10/2022 đến ngày 26/7/2023 với số tiền lãi hơn 1.000.000.000 đồng; chị T tính lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thì cách tính lãi suất của chị T vượt quá quy định của Bộ luật dân sự, nên anh M không đồng ý trả theo mức lãi suất mà chị T đã buộc anh M phải kí biên nhận ngày 26/7/2023 với số tiền lãi suất hơn 1 tỷ đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu anh M, ông S có trách nhiệm trả cho chị T số tiền gốc và lãi tổng cộng là 3.225.796.000 thì anh M, ông S không đồng ý. Anh M, ông S đồng ý trả cho chị T số tiền 2.250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/12/2023 đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

[2.4] Xét, lời trình bày của anh Hiển là người đại diện theo ủy quyền của anh M, ông S là không có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ, anh Hiển không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh anh M vay của chị T tổng cộng 4.260.000.000

đồng, vay với lãi suất cao 2.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và đã trả cho chị T số tiền 2.010.000.000 đồng. Hơn nữa, chị T không thừa nhận cho anh M vay với lãi suất 2.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, không thừa nhận có việc cho anh M vay thêm số tiền 1.500.000.000 đồng. Còn việc anh M nhờ em anh M chuyển khoản cho chị T là để trả cho khoản vay khác, không phải khoản vay này nên chị T không đồng ý căn trừ vào số tiền vay 2.760.000.000 đồng theo như lời trình bày của anh Hiền.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, việc anh M còn nợ chị T và ông S đúng ra bao lãnh cho ông M số tiền vay 2.760.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 06/09/2022 đến ngày 10/5/2024 là 20 tháng 04 ngày x 2.760.000.000 đồng x 0,83% = 465.796.000, tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.225.796.000 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, buộc anh Văn Công M và ông Văn Công S phải có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Ngọc T số tiền vay còn nợ tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.225.796.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì anh M, ông S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc T.
2. Buộc anh Văn Công M và ông Văn Công S phải cùng có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Ngọc T số tiền vay còn nợ 2.760.000.000 đồng và tiền lãi 465.796.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.225.796.000 đồng.
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
4. Về án phí:
 - 4.1. Anh Văn Công M và ông Văn Công S phải chịu 96.515.920 đồng (Chín mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng, chín trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng do ông Văn Công S là người cao tuổi nên ông

Văn Công S được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Do đó, anh Văn Công M phải chịu 48.257.960 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Chị Đỗ Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.315.000 đồng theo biên lai thu số 0002712 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS Huyện, Tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đạt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Ngọc